

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16/5/2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sĩ Quang;

Bà Phạm Thị Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 293/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/4/2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Vũ Xuân T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Hiện cư trú tại: Australia.

Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người được anh Vũ Xuân T ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng tại Tòa án: Ông Nguyễn Lâm P và bà Nguyễn Thị X. Đều có địa chỉ: phố N, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị **Cao Thị B**, sinh năm 1992.

ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đông Giao, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Australia.

Vắng mặt và có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Khu T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Vũ Xuân T trình bày: Anh và chị Cao Thị B được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương vào ngày 16/10/2015. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2020 thì anh đi xuất khẩu lao động tại Australia. Thời gian đầu anh vẫn liên lạc về nhà nhưng do vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi nên đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn về quan điểm sống và kinh tế gia đình, hơn nữa chị B luôn nghi ngờ anh không chung Ty với chị nên mỗi khi anh liên lạc về nhà là vợ chồng lại xảy ra cãi vã, bất đồng, anh tìm cách hàn gắn mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn càng trầm trọng hơn khiến cho cuộc sống của anh chịu nhiều áp lực từ đó anh cắt đứt không liên lạc với chị B nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Cao Thị B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Xuân H, sinh ngày 24/02/2018, do con vẫn còn nhỏ và anh không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên anh đề nghị giao con cho chị B nuôi dưỡng và anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 6.000.000đ/1tháng. Trường hợp chị B đã xuất cảnh và giao cho bố mẹ chị B nuôi dưỡng anh cũng nhất trí.

Về tài sản, nợ chung: Không có, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện anh T đang lao động tại Australia nên anh ủy quyền cho ông Nguyễn Lâm P và bà Nguyễn Thị X, thay anh giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bà Trần Thị N (mẹ chị B) trình bày: Ngày 19/12/2021 chị B đi xuất khẩu lao động tại Australia, do chị mới sang làm ăn nên bà không có địa chỉ cụ thể của chị B ở nước ngoài nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên chị B vẫn thường xuyên liên lạc điện thoại về gia đình. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị B biết. Thông qua gia đình, chị B có quan điểm trình bày từ khi đi xuất khẩu lao động anh T không quan tâm đến gia đình vợ con, thời gian đầu anh có liên lạc về nhà nhưng sau đó anh không chung Ty với chị nên liên tục gọi điện về nhà đòi ly hôn, chị khuyên bảo thì anh hứa sửa chữa nhưng sau đó anh không thay đổi và đã cắt đứt liên lạc với chị. Cuối năm 2021 chị B đã cho con về nhà để ở và cũng sang Australia làm ăn nhưng chị không thông báo cho anh T và gia đình nhà chồng biết, khi sang Australia chị cũng không tìm gặp anh T, vợ chồng không sống cùng nhau và không quan tâm đến nhau. Nay anh T có đơn xin ly hôn, chị B không đồng ý mà để anh tự giải quyết. Chị B và anh T có một con chung là Vũ Xuân Hiếu, sinh ngày 24/02/2018, hiện đang ở với bà. Chị B có quan điểm đề nghị được nuôi dưỡng con chung và nhất trí mức cấp dưỡng tiền nuôi con là 6.000.000đ/1tháng. Trong thời gian chị không có mặt tại Việt N, chị ủy quyền cho bà nuôi dưỡng con chung và chị có trách nhiệm gửi tiền về để bà nuôi con.

Về tài sản, nợ chung chị xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà N nhất trí nhận ủy quyền của chị B về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hiếu trong thời gian chị B không có mặt tại Việt N, bà không yêu cầu anh T, chị B phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con.

Tại biên bản lấy lời khai bà Vũ Thị H là mẹ anh T trình bày: Sau khi anh T đi lao động ở nước ngoài, chị B vẫn sinh sống tại gia đình bà, vợ chồng có xảy ra cãi vã, nguyên nhân là do chị B không tin tưởng anh T, vợ chồng còn mâu thuẫn cả về kinh tế. Cuối năm 2021 chị B đưa con về nhà để chơi sau đó không quay lại gia đình bà. Khi chị B đi lao động ở nước ngoài cũng không thông báo cho gia đình bà biết, hiện tại mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh T.

Người được anh T ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - ông Nguyễn Lâm P trình bày: Ông nhất trí nhận ủy quyền của anh T, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, ông đã thông báo cho anh T biết, anh T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh T, chị B đăng ký kết hôn và cư trú thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng đi Hà Nội làm ăn, từ khi anh T đi lao động nước ngoài, chị B về sinh sống tại gia đình nhà chồng, đến cuối năm 2021 chị B về nhà để ở và cũng đi lao động ở nước ngoài nhưng không báo gì cho gia đình nhà chồng biết. Nay, anh T có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56; 81; 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Xuân T được ly hôn chị Cao Thị B. Về con chung: Giao con chung Vũ Xuân H cho chị B nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng tiền nuôi con là 6.000.000đ/1tháng. Tạm giao cháu H cho bà Trần Thị N nuôi dưỡng trong thời gian chị B ở nước ngoài. Anh T phải chịu án phí về hôn nhân gia đình và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Vũ Xuân T và bị đơn chị Cao Thị B có địa chỉ trước khi xuất cảnh ở thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương, hiện anh, chị đang sinh sống và làm việc tại Australia. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải

Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Mặc dù, anh T không về Việt N tham gia tố tụng nhưng anh đã gửi các tài liệu gồm: Đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin vắng mặt và giấy ủy quyền, các tài liệu này đã được Tổng lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt N tại Sydney, Australia chứng thực. Do vậy có đủ cơ sở khẳng định ý chí, quan điểm ly hôn của anh T là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị B ở nước ngoài. Tòa án đã nhiều lần đề nghị gia đình chị B cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân trong gia đình chị B và gia đình đã thông báo cho chị B biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị B và anh T. Đồng thời Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai anh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị B, bà N vắng mặt và có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Xuân T và chị Cao Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương vào ngày 16/10/2015, là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2020 khi anh T đi xuất khẩu lao động tại Australia thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế gia đình, vợ chồng luôn nghi ngờ và không tin tưởng nhau nên mỗi khi anh T liên lạc về nhà là vợ chồng lại xảy ra cãi vã, bất đồng, cuộc sống chịu nhiều áp lực nên anh chấm dứt liên lạc với chị B. Thông qua gia đình, chị B có quan điểm không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên năm 2021 khi chị B sang Australia làm ăn chị không nói cho anh T và gia đình nhà chồng biết, điều đó chứng tỏ chị B tuy không đồng ý ly hôn nhưng cũng không mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, chị không tìm gặp anh T để hàn gắn tình cảm vợ chồng, trên thực tế vợ chồng không sống cùng nhau, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai, như vậy chị cũng không còn tình cảm với anh, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh T ly hôn chị B là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Vợ chồng có một con chung là Vũ Xuân H, sinh ngày 24/02/2018, hiện đang ở với bà N. Thông qua gia đình chị B có quan điểm đề nghị được nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên (trên 18 tuổi) và nhất trí việc anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con là 6.000.000đ/1tháng, đồng thời chị ủy quyền cho bà N nuôi dưỡng con chung trong thời gian chị không có mặt tại Việt N. Bà N nhất trí nhận ủy quyền chăm sóc con của chị B. Xét thấy, anh T nhất trí giao con cho chị B nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con là 6.000.000đ/1 tháng cho đến khi con thành niên đồng thời nhất trí giao con cho bà

N nuôi dưỡng trong thời gian chị B không có mặt tại Việt N. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao con chung Vũ Xuân H cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng tiền nuôi con là 6.000.000đ/1 tháng cho đến khi con thành niên. Trong thời gian chị B không có mặt tại Việt N, tạm giao cháu Vũ Xuân H cho bà N chăm sóc nuôi dưỡng.

[2.3] Về tài sản, nợ chung: Anh T và chị B cùng xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Vũ Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Xuân T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Xuân T ly hôn chị Cao Thị B.
2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Cao Thị B chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Vũ Xuân H, sinh ngày 24/02/2018 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng tiền nuôi con là 6/000.000đ/1tháng kể từ tháng 6/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tạm giao con chung Vũ Xuân H cho bà Trần Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị B không có mặt tại Việt N.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi chị B có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh T không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự.

3. Về tài sản, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Anh Vũ Xuân T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp, theo biên lai thu số AA/2020/0004642 ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm do ông Nguyễn Lâm P nộp thay.

Anh Vũ Xuân T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Xuân T và chị Cao Thị B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, Lưu VP, Lưu Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Trường